

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2016/HS-ST

Ngày: 28-12-2016.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Ngọc Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lượng Phạm và ông Dương Tấn Khoán.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga - cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: ông Đinh Xuân Hiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2016/HSST ngày 18/11/2016 đối với bị cáo:

A, sinh năm 1992; sinh, trú tại: khu phố M, phường N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: nam; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không có; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: học lớp 9/12; con ông B, sinh năm 1968 (chết) và bà C, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Tấn Đạm, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Xuân Ninh, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Đại diện hợp pháp của người bị hại (chị D, đã chết): bà E, sinh năm 1972, là mẹ của người bị hại; trú tại: khu phố M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo A bị Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Thuận Bắc truy tố về hành vi phạm tội như sau: A có giấy phép lái xe hạng A1 (mô-tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50cm³ đến dưới 175cm³). Sáng ngày 26/6/2016, A điều khiển xe mô-tô mang biển kiểm soát (BKS) 79Z1 – 151.51 chở chị D từ Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận đi Cam Ranh, Khánh Hòa. Khoảng 08 giờ cùng ngày, xe đến khu vực ngã ba (đi Bình Tiên) tại Km 1525 + 95 QL 1A thuộc Suối Giếng, Công Hải, Thuận Bắc. Nơi đây có dải phân cách cứng ở tim đường đôi. Tại ngã ba có khoảng trống lưu thông, có ba gờ giảm tốc, biển báo chỉ dẫn hướng đi, biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên và có người đi bộ, biển báo chỉ dẫn dành cho người đi bộ. Trên phần đường này chia làm ba làn đường. A điều khiển xe trên làn đường số 2 (theo bảng chỉ dẫn dành cho xe ô-tô). Lúc này, phía trước cùng làn đường có xe ô-tô tải do ông G điều

khởi đang bật tín hiệu đèn chuyển hướng qua chiều đường bên kia (hướng Bắc – Nam). Do có xe mô-tô đang lưu thông đến nên ông G dừng xe trên vạch sơn dành cho người đi bộ ở làn đường số 1 và nhìn thấy xe của A ở khoảng cách từ 50 – 60m. Do A chạy tốc độ cao nên khi thấy nguy hiểm đã đạp phanh nhưng không tránh kịp, xe mô-tô lấn sang làn đường số 1, tông vào bánh sau bên trái xe ô-tô. A và chị D té ngã xuống đường nên bị thương nặng. Đến ngày 29/6/2016, chị D chết.

Tại Bản Kết luận Giám định pháp y về tử thi số 109/TT ngày 11/7/2016, Trung tâm Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận: chị D chết là do chấn thương sọ não nặng, tụ máu ngoài màng cứng, dập não thùy trán, nứt xương thái dương trái, cung gò má phải.

Tại Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 17/11/2016, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc truy tố bị cáo A về tội “*vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 1 điều 202 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Người bào chữa, Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Bị cáo A là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có Giấy phép lái xe hạng A1 (loại xe mô-tô hai bánh dưới 175cm³), khi điều khiển xe mô-tô tham gia giao thông, Bị cáo đã gây tai nạn làm chị D chết. Quan điểm của Viện Kiểm sát cho rằng Bị cáo đã vi phạm khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 11, khoản 1 điều 12 của Luật Giao thông đường bộ (LGTĐB) và khoản 1, khoản 3 điều 5 của Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể là vi phạm về làn đường và tốc độ khi rẽ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong trường hợp có biển cảnh báo nguy hiểm, có chướng ngại vật là xe ô-tô đang chuyển hướng qua đường và qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức.

Người bào chữa cho Bị cáo cho rằng việc truy tố Bị cáo chỉ dựa vào lời khai của ông G (người lái xe ô-tô) và người làm chứng có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp; tai nạn xảy ra do lỗi của ông G điều khiển xe ô-tô chuyển hướng không đúng quy định làm Bị cáo bất ngờ; hiện trường để lại thông qua vết phanh xe thể hiện Bị cáo đã phát hiện có chướng ngại vật nên đã phanh xe giảm hẳn tốc độ; không có kết luận giám định tốc độ nên không thể xác định Bị cáo chạy xe tốc độ cao; hiện trường đã bị xáo trộn vì ông G không dừng xe lại tại nơi tai nạn xảy ra nên lẽ ra cần phải dựng lại hiện trường để thực nghiệm điều tra; nguyên nhân chết của Người bị hại chưa được làm rõ vì chị D có tiền sử bệnh tim...vì vậy, đề nghị áp dụng điều 227 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố Bị cáo không có tội.

Xét ý kiến của các bên thấy rằng Bị cáo không vi phạm sử dụng làn đường theo điều 11 của LGTĐB vì biển chỉ dẫn đường bộ *làn đường dành riêng cho từng loại xe* không đúng quy chuẩn của loại biển chỉ dẫn theo phụ lục E.12. Biển số 412 (a,b,c,d) của QCVN 41: 2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ ban

hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ Giao thông vận tải. Do đó, biển chỉ dẫn này không có hiệu lực bắt buộc thực hiện. Theo khoản 2 Điều 13 của LGTĐB quy định về sử dụng làn đường thì *trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái*, như vậy Bị cáo sử dụng làn đường số 2 là đúng quy định. Việc Bị cáo phanh xe dẫn đến việc chuyển làn đường (từ làn số 2 sang làn số 1) là hành vi không chủ định. Bị cáo cũng không vi phạm quy định về tốc độ tại Điều 12 của LGTĐB mà vi phạm do không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi có biển báo nguy hiểm, có chướng ngại vật là xe ô-tô đang lưu thông phía trước và khi qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 5 của Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, vì vậy không cần thiết phải giám định về tốc độ đối với xe mô-tô.

Ông G điều khiển xe ô-tô phía trước xe mô-tô của Bị cáo trên cùng làn đường, chuyển hướng quay đầu xe qua chiều đường bên kia tại nơi không cấm quay đầu xe và đã có tín hiệu báo hướng rẽ đúng theo quy định tại điều 15 của LGTĐB. Khi phát hiện có xe đang lưu thông, ông G đã phanh xe để nhường đường chứ không phải động tác dừng xe theo giải thích tại khoản 1 Điều 18 của LGTĐB *“Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác”*; việc xe ô-tô chuyển hướng trên vạch dành cho người đi bộ không phải là hành vi liên quan trực tiếp đến tai nạn nêu trên.

Xét hiện trường vụ tai nạn và dấu vết trên hai xe ô-tô và mô-tô để lại theo các biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện đã đủ căn cứ xác định điểm va chạm giữa các xe nên không cần thiết phải dựng lại hiện trường để thực nghiệm điều tra.

Về nguyên nhân chết, Kết luận Giám định pháp y về tử thi thể hiện *với thương tích bên ngoài kết hợp với bệnh án nằm viện và các cận lâm sàng hiện có, Hội đồng nhận định nạn nhân chết do chấn thương sọ não nặng, tụ máu ngoài màng cứng, dập não thùy trán, nứt xương thái dương trái, cung gò má phải (điều trị không phục hồi)*. Như vậy, nguyên nhân chị D chết không liên quan đến bệnh tim.

Xét hành vi của Bị cáo đã xâm hại nghiêm trọng đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự trong lĩnh vực giao thông đường bộ nên bị Viện Kiểm sát truy tố về tội *“vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”* theo khoản 1 điều 202 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Viện Kiểm sát cho rằng Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi gây án đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp người bị hại (cùng với sự tự nguyện hỗ trợ của chủ xe ô-tô) với số tiền 37.500.000^d, trong đó của Bị cáo 26.500.000^d. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 điều 46 của BLHS. Ngoài ra, bản thân của Bị cáo cũng bị thương tích nặng và được đại diện hợp pháp của Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; về trách nhiệm dân sự, các bên đã thỏa thuận và thực hiện bồi thường xong. Riêng việc tự nguyện hỗ trợ cho Người bị hại, ông G đã thực hiện một

phần. Các bên có thể tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ, nhưng không phải là trách nhiệm bồi thường của ông G; xử lý vật chứng, Cơ quan Điều tra đã trả lại xe ô-tô và mô-tô cho chủ sở hữu.

Xét quan điểm xử lý của Viện Kiểm sát hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của Bị cáo; quan điểm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, xét tai nạn xảy ra có lỗi của Người bị hại khi ngồi trên xe mô-tô tham gia giao thông mà không đội mũ bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của LGTĐB, dẫn đến hậu quả chết người; Bị cáo cũng bị thương tích nặng vẫn đang điều trị, vì vậy cho Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS, đồng thời không cần thiết cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “*vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 1 điều 202, điểm b, p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46, điều 60 của Bộ luật Hình sự:

Phạt A 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2016).

Giao A cho Ủy ban nhân dân phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000^d (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Bị cáo, đại diện hợp pháp của Người bị hại, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2016).

(Đã giải thích chế độ án treo)

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Dương Tấn Khoán

Lượng Phẩm

Trần Ngọc Tuấn

